

Số: 4925 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Danh mục loài cây lâm nghiệp sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm, cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

mr

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 686/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục loài cây lâm nghiệp sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm, cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Cây lâm nghiệp trồng tại một số khu vực cụ thể

1. Đối với rừng phòng hộ

Khu vực trồng là diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố:

a) Khu vực rừng phòng hộ ngập mặn chắn sóng, lấn biển: Trồng các loài cây Bần chua, Đước vôi, Mắm trắng.

b) Khu vực rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay: Trồng các loài cây Phi lao, Keo lá tràm.

c) Khu vực rừng phòng hộ giáp các khu dân cư, nhà máy, xí nghiệp: Trồng các loài cây Thông nhựa, Thông mã vĩ, Thông ba lá, Lát hoa, Lim, Trám, Giổi xanh, Chò chỉ, Giáng hương, Kim Giao.

d) Khu vực rừng phòng hộ bảo vệ nguồn nước (giáp các hồ, đập, sản xuất nông nghiệp): Trồng các loài cây Chò chỉ, Giổi, Kháo, Lát hoa, Lát Mexico, Ngát, Nhội, Sao đen, Sồi phẳng, Sưa, Thông nhựa, Thông mã vĩ, Thông ba lá, Trám, Vạng trứng, Vối thuốc, Vù hương, Dẻ ăn hạt, Long não, Giáng hương.

2. Đối với rừng sản xuất:

Trên diện tích đất quy hoạch rừng sản xuất thuộc các xã, phường, đặc khu trên địa bàn thành phố, trồng các loài cây gỗ lớn có giá trị cao (Sưa, Thông nhựa, Thông mã vĩ, Thông ba lá, Thông caribê, Sao đen, Trám, Giổi xanh, Tai chua, Lát hoa, Lát Mexico, Xoan ta, Xoan đào); ngoài ra kết hợp trồng các loài cây sinh trưởng nhanh (Keo lá tràm, Keo tai tượng, Keo lai, Bạch đàn lai, Bạch đàn urô, Bạch đàn cự vĩ) ở những nơi có điều kiện thích hợp, phù hợp với chu kỳ sinh trưởng phát triển của cây trồng và điều kiện sản xuất kinh doanh của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Đối với diện tích rừng giáp các khu di tích:

a) Khu Di sản Văn hóa Thế giới Côn Sơn - Kiếp Bạc, phường Trần Hưng Đạo: Trồng các loại cây Thông nhựa, Sao đen, Lim, Dẻ ăn hạt, Muồng hoa vàng.

b) Khu Đền thờ Thầy giáo Chu Văn An, phường Chu Văn An: Trồng các loài cây Thông nhựa, Thông mã vĩ, Thông ba lá, Sao đen, Lim, Long não.

c) Khu Di sản Văn hóa Thế giới chùa Thanh Mai, phường Nguyễn Trãi: Trồng các loài cây Thông nhựa, Phong hương (Sau sau), Dẻ ăn hạt, Sưa, Lim, Muồng hoa vàng.

d) Khu di tích Quốc gia đặc biệt Đền Cao An Phụ, phường Phạm Sư Mạnh: Trồng các loài cây Thông nhựa, Thông mã vĩ, Thông ba lá, Lim, Sao đen, Long não.

4. Trồng cây dưới tán rừng: Trồng các loài cây dược liệu (cây Ba kích, Cà gai leo, Hà thủ ô, Trà hoa vàng, Khôi tía, Bách bộ, Ké đầu ngựa...), cây lâm sản ngoài gỗ, cây ăn quả, hoa, cây cảnh phù hợp với quy hoạch, cảnh quan sinh thái, điều kiện thổ nhưỡng. Riêng đối với việc nuôi, trồng cây dược liệu dưới tán rừng đặc dụng, phòng hộ phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với từng phương án theo quy định tại Nghị định số 183/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ.

5. Trồng cây xanh phân tán khu vực nông thôn:

- Yêu cầu về loài cây trồng: Lựa chọn các loài cây phù hợp với mục đích sử dụng (tạo cảnh quan, lấy gỗ, phòng hộ, cải thiện môi trường...), phù hợp với điều kiện sinh thái, đặc thù từng khu vực và quy hoạch được duyệt. Ưu tiên sử dụng các loài cây bản địa, cây thân gỗ, cây đa mục đích, có khả năng thích nghi cao, sinh trưởng tốt, ít sâu bệnh. Khuyến khích chọn các loài cây có giá trị bảo vệ môi trường, có tác dụng phòng hộ cao như giữ đất, chống xói mòn, giảm thiểu sạt lở; đồng thời phát huy bản sắc văn hóa địa phương; trồng các loài cây quý, hiếm, loài cây có giá trị kinh tế, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

- Địa điểm trồng cây: Đất vườn của hộ gia đình, khuôn viên nhà ở; hành lang giao thông nông thôn (đường xã, đường thôn, đường nội đồng); ven sông, kênh, mương; dọc theo bờ vùng, bờ thửa ruộng để tạo vành đai xanh, chống xói mòn; các khu vực có nguy cơ sạt lở cao nhằm tăng cường ổn định đất, hạn chế rủi ro thiên tai; khu vực bãi thải sau khai thác khoáng sản và các diện tích đất chưa sử dụng khác.

- Các loài cây trồng: Nhóm cây ăn quả (Chuối, đu đủ, xoài, ổi, mít, vú sữa, táo, cam, quýt, bưởi, vải, nhãn, hồng xiêm...); nhóm cây lấy gỗ, cây bóng mát, cây cảnh quan (Sao đen, Muồng đen, Muồng hoàng yến, Sưa, Lát hoa, Long não, Bạch đàn, Xoan...). Tùy theo khu vực và mục đích sử dụng, có thể kết hợp nhiều nhóm cây để vừa tạo cảnh quan xanh, vừa mang lại giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phải điều chỉnh, bổ sung kịp thời, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

2. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường,

đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Danh mục loài cây lâm nghiệp sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm, cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn thành phố để quản lý đầu tư công trình lâm sinh và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương Danh mục loài cây lâm nghiệp sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm, cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất; cây trồng phân tán trên địa bàn tỉnh Hải Dương hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ NNMT;
- TTTU, TT HĐND TP;
- UB MTTQ VN TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: NNMT, XDCT;
- Lưu: VT, N.T. Hiếu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

Danh mục loài cây lâm nghiệp sinh trưởng nhanh, sinh trưởng chậm, cây
mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên
địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 4925 /QĐ-UBND ngày 04 / 12 /2025
của UBND thành phố)

I. LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG NHANH

STT	LOÀI CÂY	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Bạch đàn lai	<i>Eucalyptus hybrid</i>
2	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i> S.T.Blake
3	Bạch đàn cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla x Eucalyptus granitica</i>
4	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>
5	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd
6	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i> A.Cunn. ex Benth
7	Phi lao	<i>Casuarina equisetifolia</i>

II. LOÀI CÂY SINH TRƯỞNG CHẬM

STT	LOÀI CÂY	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain
2	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i> Oliv
3	Sao đen	<i>Hopea Odorata</i> Roxb
4	Sến mật	<i>Bassia pasquieri</i> H.Lec
5	Chò chỉ	<i>Parashorea stellata</i> Kury
6	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i> Junght. et de Vries
7	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i> Royle ex Gordon
8	Thông caribê	<i>Pinus caribaea</i> Morelet
9	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i> Lamb
10	Dẻ ăn hạt	<i>Castanopsis boisii</i> Hickel et A. Camus
11	Vù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>
12	Giổi xanh	<i>Micheha meriocris</i> Dandy
13	Tai chua	<i>Garcinia cowa</i> Roxb. ex Choisy
14	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss
15	Lát Mexico	<i>Cedrela odorata</i>
16	Lim xẹt	<i>Peltophorum tonkinensis</i> A Chev
17	Long não	<i>Cinamomum camphora</i> Nees

18	Sồi phẳng	<i>Lipthocarpus flssus</i> Champ. ex benth
19	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Ykovl
20	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour) Raeusch
21	Kim Giao	<i>Nageia fleuryi</i> (Hick.) de Laubenf)
22	Phong hương (Sau sau)	<i>Liquidambar formosana</i>
23	Vối thuốc	<i>Schima wallichii</i> Choisy
24	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i> A.Juss
25	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i> L.
26	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>

III. CÂY MỤC ĐÍCH

STT	LOÀI CÂY	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Sưa	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain
2	Lim xanh	<i>Erythrophloeum fordii</i> Oliv
3	Sao đen	<i>Hopea Odorata</i> Roxb
4	Sến mật	<i>Bassia pasquieri</i> H.Lec
5	Chò chỉ	<i>Parashorea stellata</i> Kury
6	Chò nâu	<i>Dipterocarpus retusus</i> Blume
7	Chò xanh	<i>Terminalia myriocarpa</i> Henrila
8	Đàn hương	<i>Santalum album</i> L
9	Vù hương	<i>Cinnamomum balansae</i>
10	Giổi ăn hạt	<i>Michelia tonkinensis</i> A.Chev
11	Giổi bà (Giổi lông)	<i>Michelia balansae</i> Dandy
12	Giổi găng	<i>Paramichelia baillonii</i> (Pierre) Hu – <i>Magnolia baillonii</i> Pierre
13	Giổi xanh	<i>Micheha meriocris</i> Dandy
14	Tai chua	<i>Garcinia cowa</i> Roxb. ex Choisy
15	Sồi phẳng	<i>Lipthocarpus flssus</i> Champ. ex benth
16	Thông nhựa	<i>Pinus merkusii</i> Junght. et de Vries
17	Thông ba lá	<i>Pinus kesiya</i> Royle ex Gordon
18	Thông caribê	<i>Pinus caribaea</i> Morelet
19	Thông mã vĩ	<i>Pinus massoniana</i> Lamb
20	Dẻ ăn hạt	<i>Castanopsis boisii</i> Hickel et A. Camus
21	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss
22	Lát Mexico	<i>Cedrela odorata</i>
23	Lim xẹt	<i>Peltophorum tonkinensis</i> A Chev
24	Long não	<i>Cinamomum camphora</i> Nees

25	Kháo	<i>Machilus odoratissima</i> Nees
26	Kim Giao	<i>Nageia fleuryi</i> (Hick.) de Laubenf)
27	Sồi phẳng	<i>Lipthocarpus flssus</i> Champ. ex benth
28	Trám đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai & Ykovl
29	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour) Raeusch
30	Ngát	<i>Gironniera subaequalis</i> Planch
31	Nhội	<i>Bischofia trifolia</i> Bl.
32	Phong hương (Sau sau)	<i>Liquidambar formosana</i>
33	Vạng trứng	<i>Endospermum chinense</i> Benth
34	Thừng mực	<i>Holarrhena antidysan terica</i> Wall
35	Vối thuốc	<i>Schima wallichii</i> Choisy
36	Xà cừ	<i>Khaya senegalensis</i> A.Juss
37	Xoan ta	<i>Melia azedarach</i> L.
38	Xoan đào	<i>Prunus arborea</i>
39	Phi lao	<i>Casuarina equisetifolia</i>
40	Bạch đàn lai	<i>Eucalyptus hybrid</i>
41	Bạch đàn urô	<i>Eucalyptus urophylla</i> S.T.Blake
42	Bach đàn cự vĩ	<i>Eucalyptus urophylla</i> x <i>Eucalyptus granitica</i>
43	Keo lai	<i>Acacia hybrid</i>
44	Keo tai tượng	<i>Acacia mangium</i> Willd
45	Keo lá tràm	<i>Acacia auriculiformis</i> A.Cunn. ex Benth
46	Bần chua	<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engl
47	Đước vôi	<i>Rhizophora stylosa</i> Griff
48	Mắm trắng	<i>Avicennia marina</i> Vierh. var. <i>alba</i> Bakhuiz

IV. CÂY PHI MỤC ĐÍCH

STT	LOÀI CÂY	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Ba bét	<i>Mallotus floribundus</i> (Blune) Muell. Arg.
2	Bà soi	<i>Macaranga denticulata</i> Muell-Arg
3	Ban trắng	<i>Bauhinia variegata</i> L
4	Bứa	<i>Garcinia oblongifolia</i> Champ. ex Benth.
5	Coi	<i>Pterocarya tonkinensis</i> Dode
6	Duối	<i>Coccolodiscus musicatus</i>
7	Đỏ ngọn	<i>Cratoxylon prunifolium</i> Kurz
8	Đu đủ rừng	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Visan
9	Hu đay	<i>Trema orientalis</i> Bl

PHÒNG HẢI PHÒNG

10	Màng tang	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers
11	Me rừng	<i>Phyllanthus emblica</i> L
12	Muối	<i>Rhus chinensis</i> Mill
13	Núc nác	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz
14	Ngái	<i>Ficus hispida</i> L.f
15	Sung	<i>Ficus racemosa</i>
16	Thần mát	<i>Millettia ichthyochtona</i> Drake
17	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon formosum</i> B.et H
18	Vả	<i>Ficus auriculata</i> Lour

V. CÂY TRỒNG DƯỚI TÁN RỪNG

TT	LOÀI CÂY	
	Tên Việt Nam	Tên Khoa học
1	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> F.C.How
2	Cà gai leo	<i>Solanum procumbens</i> Lour.
3	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson
4	Trà hoa vàng	<i>Camellia euphlebia</i> Merrill ex Sealy
5	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour
6	Cát sâm	<i>Callerya speciosa</i> (Champ.) Schot
7	Địa liên	<i>Kaempferia galanga</i> L.
8	Lá khôi	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf